

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST.

Ngày: 10-5-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông Phạm Văn Út.

+ Ông Nguyễn Văn Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1963, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre - Đại diện hộ kinh doanh Bé T.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng S - Sinh năm: 1997, địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

\* **Bị đơn:**

- Ông Bùi Văn T1 (T2) - Sinh năm: 1968; địa chỉ: Số A, Tổ E, khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1969, địa chỉ: Số A, Tổ E, khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2015, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng là nguyên đơn sẽ giao thức ăn chăn nuôi heo cho bị đơn. Theo thỏa thuận thì bị đơn sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán. Đến tháng 6 năm 2018 thì hai bên ngưng giao dịch do bị đơn bán heo nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi cho nguyên đơn.

Tính đến tháng 6 năm 2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 23.600.000VNĐ (hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng), sau đó bị đơn có trả cho nguyên đơn được 9.100.000VNĐ (chín triệu một trăm ngàn đồng), còn nợ lại số tiền là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 02/02/2024 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà thừa nhận là bà và ông T1 (tên gọi khác là T2) còn thiếu bà T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), bà đồng ý cùng ông T1 (T2) trả số tiền này (14.500.000VNĐ) cho bà T nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng (nhưng bà H không nêu được mỗi tháng sẽ trả bao nhiêu tiền) vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

*Bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà H thừa nhận là bà và ông T1 (T2) còn nợ nguyên đơn 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là từ 300.000VNĐ/tháng đến 500.000VNĐ/tháng.

Ông T1 (T2) vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn có địa chỉ tại khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre

nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 02/02/2024, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo và số tiền bị đơn còn nợ đã được bị đơn là bà H thừa nhận và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ông T1 (T2) vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thông báo của Tòa án. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Bị đơn là bà H yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả dần hàng tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bị đơn được trả nợ theo phương thức là mỗi tháng trả một lần hay được trả làm nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[6] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2023, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng; tuy nhiên trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu về tiền lãi mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể được tính như sau: 14.500.000VNĐ x 5% = 725.000VNĐ (bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 288, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 217, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T - Đại diện hộ kinh doanh Bé T về việc yêu cầu ông Bùi Văn T1 (T2) và bà Nguyễn Thị H phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T - Đại diện hộ kinh doanh Bé T số nợ gốc là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T - Đại diện hộ kinh doanh Bé T không yêu cầu trả tiền lãi.

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2) Buộc bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) và bà Nguyễn Thị H phải nộp 725.000VNĐ (bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng nguyên đơn, bị đơn là ông Bùi Văn T1 (T2) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyên**